

DANH MỤC THỰC ĐƠN HÀNG NGÀY CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 01 NĂM 2026

Từ ngày 04/01/2026 đến ngày 31/01/2026

(Thực hiện theo QĐ số: 45/QĐ-THCC2, ngày 29/12/2025 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2.
Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú,
học kỳ II năm học 2025-2026)

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Chủ Nhật (Ngày 04; 11; 18; 25 Tháng 01/2026)	1	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	16,00	149.000	2.384.000	Bữa Tối
	2	Trứng vịt	Kg	296,00	4.700	1.391.200	Thịt lợn rang mặn
	3	Rau bắp cải trắng	Kg	19,73	20.000	394.600	Trứng luộc
	4	Hành lá	Kg	0,60	65.000	39.000	Canh rau bắp cải
	5	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	1,00	12.000	12.000	
	6	Nước rửa chén Power100 400g	Chai	2,00	16.000	32.000	
	7	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Lít	0,40	63.000	25.200	
	8	Bột ngọt meizan 1kg	Kg	0,20	70.000	14.000	
	9	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	296,00	5.500	1.628.000	Phát sau bữa cơm tối
	Tổng					5.920.000	
Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 2 (Ngày 05; 12; 19; 26 Tháng 01/2026)	1	Bánh bao nhân đỗ (200gam)	Cái	296	6.000	1.776.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	27,00	149.000	4.023.000	Bánh bao nhân đỗ
	3	Đậu phụ	Kg	20,00	28.000	560.000	Bữa Trưa
	4	Quả su su	Kg	20,00	22.000	440.000	Thịt lợn + đậu phụ
	5	Trứng vịt	Kg	190,00	4.700	893.000	rán sốt mặn
	6	Giò nạc	Kg	15,00	169.000	2.535.000	Canh su su
	7	Cà chua	Kg	5,00	50.000	250.000	Bữa Tối
	8	Rau bắp cải trắng	Kg	19,67	20.000	393.400	Giò nạc sốt cà chua
	9	Hành lá	Kg	1,00	65.000	65.000	Trứng rán
	10	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	Canh rau bắp cải
	11	Nước rửa chén Power100 400g	Chai	4,00	16.000	64.000	
	12	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Lít	5,00	63.000	315.000	
	13	Bột ngọt meizan 1kg	Kg	0,40	70.000	28.000	
	14	Sữa Mộc Châu	Hộp	296,00	6.300	1.864.800	Phát sau giờ ngủ trưa
	Tổng					13.231.200	
Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 3 (Ngày 06; 13; 20; 27 Tháng 01/2026)	1	Xôi nếp đỗ (200gam)	Gói	296	6.000	1.776.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	23,00	149.000	3.427.000	Xôi nếp đỗ
	3	Đậu phụ	Kg	15,00	28.000	420.000	Bữa Trưa
	4	Rau bắp cải trắng	Kg	22,51	20.000	450.200	Thịt lợn + đậu phụ
	5	Gà công nghiệp còn sống	Kg	39,00	112.000	4.368.000	rán sốt mặn
	6	Gừng củ	Kg	0,50	50.000	25.000	Canh rau bắp cải
	7	Quả su su	Kg	11,00	22.000	242.000	
	8	Quả bí xanh	Kg	19,00	21.000	399.000	Bữa Tối
	9	Hành lá	Kg	1,00	65.000	65.000	Gà rang gừng
	10	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	Su su xào lòng gà
	11	Nước rửa chén Power100 400g	Chai	4,00	16.000	64.000	Canh bí xanh
	12	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Lít	5,00	63.000	315.000	
	13	Bột ngọt meizan 1kg	Kg	0,40	70.000	28.000	
	14	Sữa izzi 110ml	Hộp	296,00	5.500	1.628.000	Phát sau giờ ngủ trưa
	Tổng					13.231.200	

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 4 (Ngày 07; 14; 21; 28 Tháng 01/2026)	1	Bánh rán gạo nếp(1suất=3cái)	Suất	296	6.000	1.776.000	Bữa Sáng
	2	Trứng vịt	Kg	220,00	4.700	1.034.000	Bánh rán gạo nếp
	3	Giò nạc	Kg	17,00	169.000	2.873.000	Bữa Trưa
	4	Đỗ quả	Kg	4,00	33.000	132.000	Xào thập cẩm
	5	Cà rốt	Kg	5,00	26.000	130.000	Giò nạc + Đỗ quả + Cà rốt
	6	Rau bắp cải trắng	Kg	21,65	20.000	433.000	Trứng rán
	7	Thịt lợn nguyên miếng	Kg	18,00	160.000	2.880.000	Canh rau bắp cải
	8	Quả su su	Kg	15,10	22.000	332.200	Bữa Tối
	9	Trứng vịt	Kg	220,00	4.700	1.034.000	Thịt lợn xào su su
	10	Quả bí đỏ	Kg	23,00	21.000	483.000	Trứng luộc
	11	Hành lá	Kg	1,00	65.000	65.000	Canh bí đỏ
	12	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	
	13	Nước rửa chén Power100 400g	Chai	4,00	16.000	64.000	
	14	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Lít	5,00	63.000	315.000	
	15	Bột ngọt meizan 1kg	Kg	0,40	70.000	28.000	
	16	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	296,00	5.500	1.628.000	Phát sau giờ ngủ trưa
Tổng						13.231.200	
Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 5 (Ngày 08; 09; 15; 22; 29 Tháng 01/2026)	1	Xôi nếp đỗ (200gam)	Gói	296	6.000	1.776.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn miếng, vai, ba chỉ	Kg	23,00	149.000	3.427.000	Xôi nếp đỗ
	3	Đậu phụ	Kg	15,00	28.000	420.000	Bữa trưa
	4	Rau bắp cải trắng	Kg	22,51	20.000	450.200	Thịt lợn + đậu phụ
	5	Gà công nghiệp còn sống	Kg	39,00	112.000	4.368.000	rán sốt mặn
	6	Gừng củ	Kg	0,50	50.000	25.000	Canh rau bắp cải
	7	Quả su su	Kg	11,00	22.000	242.000	Bữa Tối
	8	Quả bí xanh	Kg	19,00	21.000	399.000	Gà rang gừng
	9	Hành lá	Kg	1,00	65.000	65.000	Su su xào lòng gà
	10	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	Canh bí xanh
	11	Nước rửa chén Power100 400g	Chai	4,00	16.000	64.000	
	12	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Lít	5,00	63.000	315.000	
	13	Bột ngọt meizan 1kg	Kg	0,40	70.000	28.000	
	14	Sữa izzi 110ml	Hộp	296,00	5.500	1.628.000	Phát sau giờ ngủ trưa
Tổng						13.231.200	
Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 6 (Ngày 10; 16; 23; 30 Tháng 01/2026)	1	Bánh mì Thảo Nguyên (100gam)	Cái	296	5.000	1.480.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn miếng, vai, ba chỉ	Kg	14,00	149.000	2.086.000	Bánh mì
	3	Cà chua	Gói	4,00	50.000	200.000	Bữa trưa
	4	Trứng vịt	Kg	150,00	4.700	705.000	Thịt lợn sốt cà chua
	5	Rau bắp cải trắng	Kg	20,03	20.000	400.600	Trứng rán hành lá
	6	Hành lá	Kg	1,00	65.000	65.000	Canh rau bắp cải
	7	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	1,00	12.000	12.000	
	8	Nước rửa chén Power100 400g	Chai	2,00	16.000	32.000	
	9	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Lít	4,00	63.000	252.000	
	10	Bột ngọt meizan 1kg	Kg	0,20	70.000	14.000	
	11	Sữa Mộc Châu	Hộp	296,00	6.300	1.864.800	Phát sau bữa cơm trưa
Tổng						7.111.400	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Đức Thiện



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Trịnh Văn Lập

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 01 NĂM 2026

Chủ Nhật (Ngày 04; 11; 18; 25 Tháng 01/2026)

(Thực hiện theo QĐ số: 45/QĐ-THCC2, ngày 29/12/2025 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú, học kỳ II năm học 2025-2026)

Tổng số HSBT: 296 em.

Tổng số tiền ăn tháng 01/2026: $296 \times 936.000 = 277.056.000 \text{ đ}$

Tổng số ngày ăn Tháng 01/2026: 21 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho bữa tối của ngày Chủ Nhật: 20.000 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 296 HSBT cho bữa tối của ngày Chủ Nhật: $20.000 \times 296 = 5.920.000 \text{ đ}$

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Chủ Nhật (Ngày 04; 11; 18; 25 Tháng 01/2026)	1	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	16,00	149.000	2.384.000	Bữa Tối
	2	Trứng vịt	Kg	296,00	4.700	1.391.200	Thịt lợn rang mặn
	3	Rau bắp cải trắng	Kg	19,73	20.000	394.600	Trứng luộc
	4	Hành lá	Kg	0,60	65.000	39.000	Canh rau bắp cải
	5	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	1,00	12.000	12.000	
	6	Nước rửa chén Power100 400g	Chai	2,00	16.000	32.000	
	7	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Lít	0,40	63.000	25.200	
	8	Bột ngọt meizan 1kg	Kg	0,20	70.000	14.000	
	9	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	296,00	5.500	1.628.000	Phát sau bữa cơm tối
	Tổng					5.920.000	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Đức Thiện


THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

***Trịnh Văn Lập**

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 01 NĂM 2026

Thứ 2 (Ngày 05; 12; 19; 26 Tháng 01/2026)

(Thực hiện theo QĐ số: 45/QĐ-THCC2, ngày 29/12/2025 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú, học kỳ II năm học 2025-2026)

Tổng số HSBT: 296 em.

Tổng số tiền ăn tháng 01/2026: $296 \times 936.000 = 277.056.000$ đ

Tổng số ngày ăn Tháng 01/2026: 21 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho ngày Thứ 2: 44.700 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 296 HSBT cho ngày Thứ 2: $44.700 \times 296 = 13.231.200$ đ

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 2 (Ngày 05; 12; 19; 26 Tháng 01/2026)	1	Bánh bao nhân đỗ (200gam)	Cái	296	6.000	1.776.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn mỡ, vai, ba chỉ	Kg	27,00	149.000	4.023.000	Bánh bao nhân đỗ (200gam)
	3	Đậu phụ	Kg	20,00	28.000	560.000	Bữa Trưa
	4	Quả su su	Kg	20,00	22.000	440.000	Thịt lợn + đậu phụ rán sốt mặn
	5	Trứng vịt	Kg	190,00	4.700	893.000	Canh su su
	6	Giò nạc	Kg	15,00	169.000	2.535.000	Bữa Tối
	7	Cà chua	Kg	5,00	50.000	250.000	
	8	Rau bắp cải trắng	Kg	19,67	20.000	393.400	
	9	Hành lá	Kg	1,00	65.000	65.000	
	10	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	Giò nạc sốt cà chua
	11	Nước rửa chén Power100 400g	Chai	4,00	16.000	64.000	Trứng rán
	12	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Lít	5,00	63.000	315.000	Canh rau bắp cải
	13	Bột ngọt meizan 1kg	Kg	0,40	70.000	28.000	Phát sau giờ ngủ trưa
	14	Sữa Mộc Châu	Hộp	296,00	6.300	1.864.800	
	Tổng					13.231.200	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Thiện



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Trịnh Văn Lập

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 01 NĂM 2026

Thứ 3 (Ngày 06; 13; 20; 27 Tháng 01/2026)

(Thực hiện theo QĐ số: 45/QĐ-THCC2, ngày 29/12/2025 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú, học kỳ II năm học 2025-2026)

Tổng số HSBT: 296 em.

Tổng số tiền ăn tháng 01/2026: $296 \times 936.000 = 277.056.000$ đ

Tổng số ngày ăn Tháng 01/2026: 21 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho ngày Thứ 3: 44.700 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 296 HSBT cho ngày Thứ 3: $44.700 \times 296 = 13.231.200$ đ

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 3 (Ngày 06; 13; 20; 27 Tháng 01/2026)	1	Xôi nếp đỏ (200gam)	Gói	296	6.000	1.776.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	23,00	149.000	3.427.000	Xôi nếp đỏ
	3	Đậu phụ	Kg	15,00	28.000	420.000	Bữa Trưa
	4	Rau bắp cải trắng	Kg	22,51	20.000	450.200	hịt lợn + đậu phụ rán sốt mặ
	5	Gà công nghiệp còn sông	Kg	39,00	112.000	4.368.000	Canh rau bắp cải
	6	Gừng củ	Kg	0,50	50.000	25.000	
	7	Quả su su	Kg	11,00	22.000	242.000	Bữa Tối
	8	Quả bí xanh	Kg	19,00	21.000	399.000	Gà rang gừng
	9	Hành lá	Kg	1,00	65.000	65.000	Su su xào lòng gà
	10	Muôi biên sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	Canh bí xanh
	11	Nước rửa chén Power100 400g	Chai	4,00	16.000	64.000	
	12	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Lít	5,00	63.000	315.000	
	13	Bột ngọt meizan 1kg	Kg	0,40	70.000	28.000	
	14	Sữa izzi 110ml	Hộp	296,00	5.500	1.628.000	Phát sau giờ ngủ trưa
Tổng						13.231.200	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Thiện



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Trịnh Văn Lập

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 01 NĂM 2026

Thứ 4 (Ngày 07; 14; 21; 28 Tháng 01/2026)

(Thực hiện theo QĐ số: 45/QĐ-THCC2, ngày 29/12/2025 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú, học kỳ II năm học 2025-2026)

Tổng số HSBT: 296 em.

Tổng số tiền ăn tháng 01/2026: $296 \times 936.000 = 277.056.000$ đ

Tổng số ngày ăn Tháng 01/2026: 21 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho ngày Thứ 4: 44.700 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 296 HSBT cho ngày Thứ 4: $44.700 \times 296 = 13.231.200$ đ

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 4 (Ngày 07; 14; 21; 28 Tháng 01/2026)	1	Bánh rán gạo nếp(1suất=3cái)	Suất	296	6.000	1.776.000	Bữa Sáng
	2	Trứng vịt	Kg	220,00	4.700	1.034.000	Bánh rán gạo nếp(1suất=3cái)
	3	Giò nạc	Kg	17,00	169.000	2.873.000	
	4	Đô quả	Kg	4,00	33.000	132.000	Bữa Trưa
	5	Cà rốt	Kg	5,00	26.000	130.000	Xào thập cẩm Giò nạc + Đỗ quả + Cà rốt
	6	Rau bắp cải trắng	Kg	21,65	20.000	433.000	
	7	Thịt lợn nguyên móng	Kg	18,00	160.000	2.880.000	Trứng rán
	8	Quả su su	Kg	15,10	22.000	332.200	Canh rau bắp cải
	9	Trứng vịt	Kg	220,00	4.700	1.034.000	Bữa Tối
	10	Quả bí đỏ	Kg	23,00	21.000	483.000	
	11	Hành lá	Kg	1,00	65.000	65.000	Thịt lợn xào su su
	12	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	Trứng luộc
	13	Nước rửa chén Power100 400g	Chai	4,00	16.000	64.000	Canh bí đỏ
	14	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Lít	5,00	63.000	315.000	Phát sau giờ ngủ trưa
	15	Bột ngọt meizan 1kg	Kg	0,40	70.000	28.000	
	16	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	296,00	5.500	1.628.000	
Tổng						13.231.200	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Thiện

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Trịnh Văn Lập

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 01 NĂM 2026

Thứ 5 (Ngày 08; 09; 15; 22; 29 Tháng 01/2026)

(Thực hiện theo QĐ số: 45/QĐ-THCC2, ngày 29/12/2025 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú, học kỳ II năm học 2025-2026)

Tổng số HSBT: 296 em.

Tổng số tiền ăn tháng 01/2026: $296 \times 936.000 = 277.056.000$ đ

Tổng số ngày ăn Tháng 01/2026: 21 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho ngày Thứ 5: 44.700 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 296 HSBT cho ngày Thứ 5: $44.700 \times 296 = 13.231.200$ đ

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 5 (Ngày 08; 09; 15; 22; 29 Tháng 01/2026)	1	Xôi nếp đỗ (200gam)	Gói	296	6.000	1.776.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	23,00	149.000	3.427.000	Xôi nếp đỗ
	3	Đậu phụ	Kg	15,00	28.000	420.000	Bữa trưa
	4	Rau bắp cải trắng	Kg	22,51	20.000	450.200	Thịt lợn + đậu phụ rán sốt mặn
	5	Gà công nghiệp còn sống	Kg	39,00	112.000	4.368.000	Canh rau bắp cải
	6	Gừng củ	Kg	0,50	50.000	25.000	
	7	Quả su su	Kg	11,00	22.000	242.000	Bữa Tối
	8	Quả bí xanh	Kg	19,00	21.000	399.000	Gà rang gừng
	9	Hành lá	Kg	1,00	65.000	65.000	Su su xào lòng gà
	10	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	Canh bí xanh
	11	Nước rửa chén Power100 400g	Chai	4,00	16.000	64.000	
	12	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Lít	5,00	63.000	315.000	
	13	Bột ngọt meizan 1kg	Kg	0,40	70.000	28.000	
	14	Sữa izzi 110ml	Hộp	296,00	5.500	1.628.000	Phát sau giờ ngủ trưa
Tổng						13.231.200	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Thiện

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Trịnh Văn Lập

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 01 NĂM 2026

Thứ 6 (Ngày 10; 16; 23; 30 Tháng 01/2026)

(Thực hiện theo QĐ số: 45/QĐ-THCC2, ngày 29/12/2025 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú, học kỳ II năm học 2025-2026)

Tổng số HSBT: 296 em.

Tổng số tiền ăn tháng 01/2026: $296 \times 936.000 = 277.056.000$ đ

Tổng số ngày ăn Tháng 01/2026: 21 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho ngày Thứ 6: 24.025 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 296 HSBT cho ngày Thứ 6: $24.025 \times 296 = 7.111.400$ đ

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 6 (Ngày 10; 16; 23; 30 Tháng 01/2026)	1	Bánh mì Thảo Nguyên (100gam)	Cái	296	5.000	1.480.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	14,00	149.000	2.086.000	Bánh mỳ
	3	Cà chua	Gói	4,00	50.000	200.000	Bữa trưa
	4	Trứng vịt	Kg	150,00	4.700	705.000	Thịt lợn sốt cà chua
	5	Rau bắp cải trắng	Kg	20,03	20.000	400.600	Trứng rán hành lá
	6	Hành lá	Kg	1,00	65.000	65.000	Canh rau bắp cải
	7	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	1,00	12.000	12.000	
	8	Nước rửa chén Power100 400g	Chai	2,00	16.000	32.000	
	9	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Lít	4,00	63.000	252.000	
	10	Bột ngọt meizan 1kg	Kg	0,20	70.000	14.000	
	11	Sữa Mộc Châu	Hộp	296,00	6.300	1.864.800	Phát sau bữa cơm trưa
Tổng						7.111.400	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Thiện

PHỤ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trịnh Văn Lập